

NGHIÊN CỨU THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG SỐT XUẤT HUYẾT VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Trần Đình Bình, Trần Thị Thu Thủy
Trường Đại học Y Dược Huế

Tóm tắt

Mục tiêu: Nghiên cứu thực hành và các yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue của sinh viên Đại học Huế. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Là 1200 sinh viên hiện đang học tại Đại học Huế. Phương pháp: khảo sát bằng bộ câu hỏi đánh giá thực hành phòng chống sốt xuất huyết. **Kết quả nghiên cứu:** 80,2% sinh viên có hành vi giăng màn khi ngủ, để xua, diệt muỗi có 70,8% sinh viên dùng vợt điện, 53,6% dùng bình xịt muỗi, 37,5% dùng nhang trừ muỗi, 19,5% dùng đèn bẫy muỗi và 7,8% dùng biện pháp hun khói. Để diệt bọ gậy có 74,5% sinh viên sử dụng biện pháp đậy kín lu vại đang chứa nước, 68,9% dẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà, 62,4% súc rửa vật chứa nước hàng tuần. Nữ giới thực hành tốt phòng chống SXH (21,6%) cao hơn nam giới (16,3%). Nhóm sinh viên hiện tại sống tại gia đình thực hành tốt phòng chống SXH (23,5%) cao hơn nhóm sống ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) (18,2%). **Kết luận:** Thực hành phòng chống sốt xuất huyết của sinh viên Đại học Huế khá tốt.

Từ khóa: Sốt xuất huyết, Đại học Huế.

Abstract

THE PRACTICE AND FACTORS RELATED TO THE DENGUE PREVENTION OF HUE UNIVERSITY STUDENTS

Tran Dinh Binh, Tran Thi Thu Thuy
Hue University of Medicine and Pharmacy

Objective: To investigate the practice and factors related to the dengue prevention of Hue University students. **Material and Methods:** 1200 students currently studying at Hue University that surveyed by questionnaire assessment on the practices to prevent dengue hemorrhagic fever. **Results:** 80.2% of students had bed nets when sleeping, 70.8% of students had used electric racket, 53.6% used mosquito spray, 37.5% used mosquito incense, 19.5% used mosquito light trap and 7.8% used smoke. To kill the mosquito larva 74.5% of students have used sealed jars that contain water, 68.9% of student have disposed the standing wate container around the home, 62.4% of them have rinsed the water containers weekly. Women practice to prevention of dengue (21.6%) are better than men (16.3%). The student currently live in family have better dengue's prevention practice (23.5%) than the group that live outside of family (hostels, inns) (18.2%). **Conclusion:** The practice to prevention dengue hemorrhagic fever of Hue University students is quite well.

Keywords: Dengue, Hue University

- Địa chỉ liên hệ: Trần Đình Bình; Email: trandinhbinhvn@yahoo.com.vn

DOI: 10.34701/jmp.2015.1.6

- Ngày nhận bài: 23/10/2014 * Ngày đồng ý đăng: 10/2/2015 * Ngày xuất bản: 5/3/2015

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) là một bệnh truyền nhiễm cấp tính, phát triển thành dịch do virus Dengue thuộc 4 typ huyết thanh Den₁, Den₂, Den₃, Den₄ gây nên. Virus truyền từ người bệnh sang người lành do muỗi đốt. Bệnh lây chủ yếu qua véc-tơ trung gian truyền bệnh là muỗi *Aedes aegypti* [1], [2], [3], [9], [12].

Bệnh xảy ra quanh năm, nhưng thường gia tăng vào các tháng mùa mưa. Đặc điểm của sốt xuất huyết Dengue là sốt, xuất huyết và thoát huyết tương, có thể dẫn đến sốc giảm thể tích tuần hoàn và rối loạn đông máu nếu không được chẩn đoán sớm và xử trí kịp thời dễ dẫn đến tử vong [4], [5], [6], [11]. Cho tới thời điểm hiện nay bệnh sốt xuất huyết Dengue chưa có thuốc đặc trị và chưa có vacxin phòng ngừa.

Tại Việt Nam bệnh sốt xuất huyết Dengue là một trong mười bệnh truyền nhiễm gây dịch có tỷ lệ mắc cao nhất, hằng năm có hàng chục vạn người mắc và hàng trăm người chết. Tỉnh Thừa Thiên Huế và đặc biệt là thành phố Huế thuộc địa bàn duyên hải miền Trung, do nhiệt độ khí hậu, nguồn nước cung cấp, tập quán sinh hoạt của người dân, điều kiện vệ sinh môi trường còn hạn chế trong khi tốc độ về đô thị hóa, giao lưu ngày càng tăng là những điều kiện thuận lợi cho sự sống và sinh sản của muỗi *Aedes aegypti* nên dịch sốt xuất huyết xảy ra hằng năm với số lượng mắc ngày càng tăng [3], [8].

Việc phòng chống sốt xuất huyết phải dựa vào cộng đồng, vì vậy cần phải có một cuộc khảo sát đánh giá đúng kiến thức, thái độ, thực hành của người dân về phòng chống sốt xuất huyết Dengue, nhất là các đối tượng có nguy cơ mắc cao và có tri thức trong cộng đồng. Với lý do trên, chúng tôi tiến hành đề tài: “**Nghiên cứu thực hành phòng chống sốt xuất huyết và các yếu tố liên quan của sinh viên Đại học Huế**” nhằm mục tiêu: Tìm hiểu thực hành và các yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue của sinh viên Đại học Huế.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Là sinh viên hiện đang học tại Đại học Huế.

2.2. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang.

2.3.2. Cỡ mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu: [7].

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Chọn $p = 0,50$ (tỷ lệ ước đoán có 50% số đối tượng nghiên cứu hiểu biết đầy đủ về phòng chống sốt xuất huyết) và $e = 0,05$.

$$n = \frac{1,96^2 \times 0,5 \times 0,5}{0,05^2} = 384$$

Để tránh sai số có thể xảy ra trong thiết kế cụm, nhân với hệ số thiết kế $k = 3$

Cỡ mẫu nghiên cứu làm tròn là 1200 sinh viên.

2.3.3. Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu theo phương pháp mẫu chùm, mỗi chùm là 1 trường hoặc khoa được chọn.

* **Giai đoạn 1:** Chọn trường, khoa: Chọn 5 trường, khoa để tiến hành điều tra bằng phương pháp ngẫu nhiên

* **Giai đoạn 2:** Chọn lớp học

- Liệt kê danh sách toàn bộ các lớp của 5 trường, khoa đã được lựa chọn trong giai đoạn 1 cùng với số sinh viên của mỗi lớp theo khối năm học.

- Bốc thăm ngẫu nhiên theo tỷ lệ số lớp học của trường khoa được chọn để chọn các lớp để đưa vào nhóm nghiên cứu.

* **Giai đoạn 3:** Chọn sinh viên

- Lập danh sách sinh viên của tất cả các lớp đã được chọn ở trên.

- Bốc thăm ngẫu nhiên để chọn 20 sinh viên trong mỗi lớp vào phỏng vấn.

Chọn 60 lớp với tổng cộng 1200 sinh viên.

2.4. Các thông tin thu thập

2.4.1. Biến số độc lập

- Giới: có hai giá trị nam và nữ; Trường; Lớp
- Nơi ở: có 4 giá trị là tại gia đình, ký túc xá sinh viên, nhà trọ và khác.
- Sinh viên năm thứ: có 4 giá trị là 1, 2, 3, 4 trở lên.

2.4.2. Các biến số phụ thuộc

+ Giăng màn khi ngủ: Có: khi có giăng màn.
Không có: khi không giăng màn.

+ Thời điểm ngủ màn: Đúng: khi ngủ có giăng màn. Không đúng: khi chọn khác.

+ Diệt muỗi: Có: khi có sử dụng biện pháp diệt muỗi tại nhà.

Không có: khi không sử dụng biện pháp diệt muỗi nào.

+ Diệt bọ gây: Có: khi có sử dụng biện pháp diệt bọ gây tại nhà.

Không có: khi không sử dụng biện pháp diệt

bọ gây nào.

-> **Thực hành đúng khi thực hiện cả 4/4 biện pháp trên.**

2.5. PHÂN TÍCH, XỬ LÝ SỐ LIỆU

- Câu hỏi được mã hóa và được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1.

- Xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 11.5 và Excel 2003.

- Số liệu được trình bày bằng tỷ lệ phần trăm.

- So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ bằng test χ^2 .

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung		Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Giới	Nam	380	31,7
	Nữ	820	68,3
Nhóm năm học	Năm 1 đến năm 2	720	60,0
	Năm 3 trở lên	480	40,0
Nơi thường trú trước khi nhập học	Nông thôn	903	75,2
	Thành thị	297	24,8
Nơi ở	Tại gia đình	391	32,6
	Ngoài gia đình (Ký túc xá , nhà trọ)	809	67,4

- Nam giới chiếm tỷ lệ 31,7%; nữ giới chiếm tỷ lệ 68,3%.

- Tỷ lệ sinh viên từ năm 1 đến năm 2 chiếm 60%, nhóm năm 3 trở lên chiếm 40%.

- Tỷ lệ sinh viên sống ở khu vực nông thôn trước khi nhập học (75,2%) gấp 3 lần so với số sinh viên ở thành phố (24,8%).

- Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở hiện tại ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) chiếm 67,4% , cao gấp 2 lần so với nhóm sống tại gia đình (32,6%).

3.2. Thực hành của sinh viên trong phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue

3.2.1. Thực hành phòng chống muỗi và bọ gây

Bảng 3.2. Tỷ lệ giăng màn khi ngủ

Nội dung	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Có	963	80,2
Không	237	19,8

Có 80,2% sinh viên giăng màn khi ngủ, gấp 4 lần tỷ lệ không giăng màn (19,8%).

Bảng 3.3. Tỷ lệ thời gian ngủ màn

Thời gian ngủ màn	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Ban đêm	713	59,4
Ngủ trưa	5	0,4
Cả ngày lẫn đêm	245	20,4

Chỉ có 20,4% sinh viên giăng màn khi ngủ cả ngày lẫn đêm, đa số chỉ giăng màn khi ngủ vào ban đêm (59,4%).

Bảng 3.4. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp xua, diệt muỗi

Biện pháp	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Nhang trừ muỗi	450	37,5
Đèn bẫy muỗi	234	19,5
Hun khói	93	7,8
Bình xịt muỗi	643	53,6
Vợt điện	850	70,8
Không dùng biện pháp nào	63	5,3

Tỷ lệ sinh viên dùng vợt điện cao nhất (70,8%), tiếp đến là dùng bình xịt muỗi (53,6%); thấp nhất là hun khói (7,8%); vẫn còn 5,3% sinh viên không áp dụng biện pháp xua, diệt muỗi nào.

Bảng 3.5. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp diệt bọ gây

Biện pháp	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Đậy kín lu vại đang chứa nước	894	74,5
Súc rửa vật chứa nước hàng tuần	749	62,4
Thay nước bình bông mỗi ngày	625	52,1
Thả cá vào bể nước	678	56,5
Đẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà	827	68,9
Đổ dầu hôi hoặc muối vào chén nước chống kiến chân tủ thức ăn	289	24,1
Không làm biện pháp nào	24	2,0

Tỷ lệ sinh viên thực hiện biện pháp diệt bọ gây bằng cách đậy kín lu vại chứa nước cao nhất (74,5%), tiếp đến là dẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà (68,9%), súc rửa vật chứa nước hàng tuần (62,4%) , vẫn còn 2% sinh viên không áp dụng biện pháp diệt bọ gây nào cả.

3.2.2. Thực hành khi có người bị bệnh sốt xuất huyết

Bảng 3.6. Tỷ lệ địa điểm nơi tìm đến đầu tiên khi có người bị bệnh SXH

Địa điểm	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Trạm y tế phường, xã	548	45,7
Đề ở nhà , mua thuốc cho uống	40	3,3
Y tế tư	17	1,4
Nhà thuốc nam , thuốc bắc	6	0,5
Bệnh viện	589	49,1

Địa điểm đầu tiên tìm đến khi có người bị bệnh SXH cao nhất là bệnh viện (49,1%) và trạm y tế phường, xã (45,7%).

Bảng 3.7. Cách xử lý sốt tại nhà

Cách xử trí	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Dùng thuốc hạ nhiệt	596	49,7
Cho uống nhiều nước	520	43,3
Lau mát	767	63,9
Cho uống nước hoa quả	339	28,2
Cho uống ORS	431	35,9
Cho uống kháng sinh	226	18,8
Không biết	53	4,4

Khi sốt lau mát (63,9%) , dùng thuốc hạ nhiệt (49,7%).

Bảng 3.8. Tỷ lệ thực hành chung của sinh viên về phòng chống SXH

Nội dung	Tần số (n=1200)	Tỷ lệ %
Thực hành tốt	239	19,9
Thực hành chưa tốt	961	80,1

Chỉ có 19,9% sinh viên thực hành tốt các biện pháp phòng chống SXH, tỷ lệ thực hành chưa tốt còn cao chiếm 80,1%.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến thực hành về phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue

Bảng 3.9. Liên quan giữa thực hành phòng chống sốt xuất huyết với đặc trưng của đối tượng

Các đặc trưng		Tổng	Thực hành tốt		p
			n	%	
Giới	Nam	380	62	16,3	0,033 <0,05
	Nữ	820	177	21,6	
Nhóm năm học	Năm 1 đến năm 2	720	146	20,3	0,701 >0,05
	Năm 3 trở lên	480	93	19,4	
Nơi thường trú trước khi nhập học	Nông thôn	903	176	19,5	0,519 >0,05
	Thành thị	297	63	21,2	
Nơi ở hiện tại	Tại gia đình	391	92	23,5	0,029 p<0,05
	Ngoài gia đình	809	147	18,2	
Tổng cộng		1200	239	19,9	

- Nữ giới thực hành tốt phòng chống SXH (21,6%) cao hơn nam giới (16,3%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

- Nhóm sinh viên hiện tại sống tại gia đình thực hành tốt phòng chống SXH (23,5%) cao hơn nhóm sống ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) (18,2%), (p<0,05).

- Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ thực hành tốt phòng chống sốt xuất huyết theo giới, nhóm năm học và nơi thường trú trước khi nhập học.

Bảng 3.10. Liên quan giữa kiến thức chung về SXH và thực hành phòng chống SXH

Kiến thức	Thực hành	Tổng	Tốt		Chưa tốt		p
			n	%	n	%	
Tốt		218	55	25,2	163	74,8	0,030 <0,05
Không tốt		982	184	18,7	798	81,3	
Tổng cộng		1200	239	19,9	961	80,1	

Sinh viên có kiến thức tốt về bệnh SXH thực hành phòng chống SXH tốt (25,2%) cao hơn nhóm sinh viên có kiến thức không tốt (18,7%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, (p<0,05).

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực hành phòng chống sốt xuất huyết của sinh viên

Qua nghiên cứu được tiến hành trên 1200 sinh viên đại học Huế có kết quả như sau với tỷ lệ sinh viên nữ (68,3%) cao hơn gấp đôi nam (31,7%), sinh viên từ năm 1 đến năm 2 là 60% và nhóm

sinh viên năm 3 trở lên là 40%. Đa số sinh viên đến từ nông thôn chiếm tỷ lệ 75,2%, cao gấp 3 lần sinh viên đến từ thành thị (24,8%) với 32,6% sinh viên hiện tại đang sống tại gia đình, chỉ bằng một nửa so với tỷ lệ sinh viên sống ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) (67,4%).

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 80,2% sinh

viên giăng màn khi ngủ. Tuy nhiên chỉ có 20,4% sinh viên sử dụng màn đúng, nghĩa là ngủ màn cả ngày và đêm. Như vậy, thói quen ngủ màn vẫn còn phổ biến ở một nước nhiệt đới như chúng ta, thế nhưng ngủ màn cho đúng cách để phòng chống muỗi đốt thì vẫn còn một số đông chưa thực hiện tốt. Vẫn còn 59,8% sinh viên ngủ màn không đúng và đó chính là đối tượng có nguy cơ mắc bệnh SXH. So với nghiên cứu của các tác giả khác thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự [4], [5], [6], [8], [11].

Các biện pháp xua và diệt muỗi ngày càng được sử dụng đa dạng, từ biện pháp dân gian xưa đến việc sử dụng các biện pháp ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật cao. Kết quả cho thấy có 70% sinh viên sử dụng biện pháp diệt muỗi bằng vợt điện; có 53,6% sinh viên sử dụng biện pháp diệt muỗi bằng bình xịt muỗi; có 37,5% sinh viên dùng nhang trừ muỗi để diệt muỗi; có 19,8% sinh viên diệt muỗi bằng đèn bẫy muỗi và 7,8% sinh viên diệt muỗi bằng hun khói; vẫn còn 5,3% sinh viên không dùng biện pháp nào để xua và diệt muỗi. Tổng cộng có 94,7% sinh viên có sử dụng biện pháp xua và diệt muỗi. Điều này cho thấy các biện pháp diệt muỗi ngày càng trở nên thông dụng và cải tiến không ngừng để sinh viên có thể chọn lựa.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy biện pháp diệt bọ gây cũng hết sức đa dạng, có 74,5% sinh viên sử dụng biện pháp diệt bọ gây bằng cách đập kín lu vại chứa nước, cao hơn kết quả nghiên cứu của Lý Lệ Lan (60%). Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 68,9% sinh viên sử dụng biện pháp diệt bọ gây là dẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà, thấp hơn kết quả của Lý Lệ Lan (88%). Có 62,4% sinh viên sử dụng biện pháp diệt bọ gây là súc rửa vật chứa nước hàng tuần, tương đương với kết quả của Lý Lệ Lan (68,4%) [10]. Các biện pháp diệt bọ gây khác có 56,5% sinh viên sử dụng biện pháp diệt bọ gây là thả cá vào bể nước; 52,1% sinh viên thay nước bình bông mỗi ngày; 24,1% sinh viên đổ dầu hôi hoặc muối và chén nước chống kiến chân từ thức ăn, còn 2,0% sinh viên không thực hiện biện pháp nào.

Tổng cộng có 98% sinh viên có sử dụng biện pháp diệt bọ gây tại nhà. Trong đó, 3 biện pháp

được áp dụng nhiều nhất là đập kín lu vại chứa nước, dẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà, súc rửa vật chứa nước hàng tuần.

Có 239 sinh viên được phỏng vấn thực hành tốt các biện pháp phòng chống SXH đó là ngủ màn đúng (ngủ màn cả ngày và đêm), có sử dụng biện pháp xua và diệt muỗi, và có sử dụng biện pháp diệt bọ gây tại nhà, chiếm tỷ lệ 19,9%.

Kết quả này cho thấy sự không đồng bộ trong các biện pháp phòng chống SXH. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp xua và diệt muỗi cũng như biện pháp diệt bọ gây tại nhà rất cao nhưng việc ngủ màn đúng phương cách lại thấp [4], [5], [6]. Có thể do đối tượng bị ảnh hưởng bởi những tiện nghi vật chất khác nên việc ngủ màn vào ban ngày là không cần thiết nên lơ là. Đồng thời điều này cho thấy cần thường xuyên nhắc nhở sinh viên động tác vô cùng thiết yếu này. Vì dù có làm tốt biện pháp diệt muỗi và bọ gây chúng ta cũng không thể diệt hết muỗi trong cộng đồng, do đó vẫn tồn tại các vật trung gian truyền bệnh SXH, do đó khâu phòng chống muỗi đốt là vô cùng quan trọng [8], [9], [10].

4.2. Các yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống sốt xuất huyết của sinh viên

Theo kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa thực hành tốt về phòng chống sốt xuất huyết với đặc trưng của đối tượng nghiên cứu. Trong đó, nữ giới thực hành tốt phòng chống SXH chiếm tỷ lệ 21,6% cao hơn nam giới (16,3%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Nhóm sinh viên hiện tại sống tại gia đình thực hành tốt phòng chống SXH (23,5%) cao hơn nhóm sống ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) (18,2%), ($p < 0,05$). Sự khác biệt có thể do mức độ hiểu biết của sinh viên về bệnh sốt xuất huyết có khác nhau ở những nhóm đặc trưng này, do đó mức độ thực hành tốt về phòng chống sốt xuất huyết cũng khác nhau theo các nhóm đặc trưng.

Công tác phòng chống sốt xuất huyết phải dựa vào cộng đồng bằng cách nâng cao hiểu biết và thực hành phòng chống của người dân trong đó có sinh viên [10], [11], [12]. Vì vậy, qua nghiên cứu cho ta thấy tầm quan trọng về giáo dục truyền thông về y tế trong cộng đồng.

5. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 1200 sinh viên Đại học Huế về kiến thức, thái độ, thực hành của sinh viên về phòng chống sốt xuất huyết Dengue, rút ra một số kết luận:

5.1. Thực hành của sinh viên về phòng chống sốt xuất huyết

+ 80,2% sinh viên có hành vi giăng màn khi ngủ, nhưng chỉ có 20,4% ngủ màn đúng khi ngủ màn cả ngày và đêm.

+ Để xua, diệt muỗi có 70,8% sinh viên dùng vợt điện, 53,6% dùng bình xịt muỗi, 37,5% dùng nhang trừ muỗi, 19,5% dùng đèn bẫy muỗi và 7,8% dùng biện pháp hun khói.

+ Để diệt bọ gậy có 74,5% sinh viên sử dụng

biện pháp đầy kín lu vại đang chứa nước, 68,9% dẹp bỏ vật chứa nước đọng quanh nhà, 62,4% súc rửa vật chứa nước hàng tuần.

5.2. Các yếu tố liên quan đến thực hành của sinh viên về phòng chống sốt xuất huyết

+ Nhóm sinh viên có nơi thường trú trước khi nhập học ở thành phố có kiến thức tốt về SXH (22,9%) cao hơn nhóm ở nông thôn (16,6%).

+ Nữ giới thực hành tốt phòng chống SXH (21,6%) cao hơn nam giới (16,3%).

+ Nhóm sinh viên hiện tại sống tại gia đình thực hành tốt phòng chống SXH (23,5%) cao hơn nhóm sống ngoài gia đình (ký túc xá, nhà trọ) (18,2%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue*, Quyết định số 458/QĐ-BYT. 3
2. Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue*, Quyết định số 1499/QĐ-BYT. 4
3. Bộ Y tế (2013), *Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2013*, Quyết định số 80/QĐ-BYT. 5
4. Trương Ngọc Châu (2010), *Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết của phụ huynh bệnh nhi dưới 15 tuổi tại huyện Cai Lậy năm 2009*, Luận văn chuyên khoa cấp I, Chuyên ngành Y học dự phòng, Trường Đại học Y Dược Huế. 20
5. Lê Tiến Dũng (2009), *Nghiên cứu kiến thức và hành vi thực hành phòng chống sốt xuất huyết tại thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang năm 2008*, Luận văn chuyên khoa cấp I, Chuyên ngành Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Huế. 11
6. Trần Văn Hai, Lê Thành Tài (2008), “Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống sốt Dengue/ Sốt xuất huyết Dengue của người dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình- Tỉnh Đồng Tháp năm 2006”, *Tạp chí Y học TP.Hồ Chí Minh*, tập 12(4), tr.39-44. 19
7. Lưu Ngọc Hoat, Võ Văn Thắng (2011), *Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng*, NXB Đại học Huế. 12
8. Trương Phi Hùng, Trần Thị Tuyết Nga, Trần Thị Hồng Hiền (2011), “Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng bệnh SXH của thân nhân bệnh nhân SXH tại bệnh viện nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh năm 2010”, *Tạp chí Y học TP.Hồ Chí Minh*, tập 15 (1), tr.119-125. 21
9. Vũ Thị Quế Hương, Maria del Carmen Parquet, Lê Thị Quỳnh Mai, Đỗ Quang Hà, Trương Uyên Ninh, Futoshi Hasebe, Shingo Inoue và Kouichi Morita(2005) , “Dịch tễ học phân tử của virus Dengue 4 ở Việt Nam: xác định các Genotyp mới và bằng chứng tiến triển độc lập tại chỗ”, *Tạp chí Y học dự phòng*, tập 15 (5), trang 50. 24
10. Lý Lê Lan, Lê Hoàng Ninh (2005), “Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống sốt xuất huyết cầu người dân Quận 5 năm 2004”, *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, tập 9 (1), tr. 116-121. 13
11. Pracheth Raghuvver, Mayur S Sherkhane, Jayprakash V Chowti (2013), “Comparative Study of Dengue Knowledge among Adults of Urban and Rural Population in India”, *International Journal of Health and Rehabilitation Sciences*, vol.2, issue 4, p.222-229. 27
12. WHO (2012), *Global strategy for Dengue prevention and control 2012 - 2020*. 30